

THỂ LOẠI TẢN VĂN TRONG BUỔI ĐẦU VĂN XUÔI QUỐC NGŨ

Lê Trà My

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Tản văn được hình thành vào khoảng thập kỉ thứ hai của thế kỉ XX với sáng tác của Tân Đà, Nguyễn Văn Vinh, Nguyễn Bá Trắc, Đàm Phương... Đây là một thể loại văn xuôi mới viết bằng chữ quốc ngữ, ban đầu chủ yếu đăng trên báo chí. Trong hệ thống thể loại văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX, tản văn là một trong những thể văn xuôi xuất hiện sớm, ra đời do nhu cầu và những biến động của thời đại.

Từ khóa: Thể loại tản văn, chữ quốc ngữ, văn xuôi.

1. Mở đầu

Tản văn hiện đại - thể loại văn xuôi được hình thành từ sự tác động của một số yếu tố thời đại, trong đó phải kể đến phong trào cổ vũ văn xuôi quốc ngữ. Với bước ngoặt về văn tự, theo đó là sự thay đổi về quan niệm văn chương, về diễn trình tư tưởng, đặc biệt là lối hành văn... thể văn xuôi hiện đại này đã thực sự được định hình trong một môi sinh văn hóa mới. Đây là một hiện tượng khá đặc biệt của văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX

Đã có khá nhiều các công trình nghiên cứu về các tác phẩm, thể loại văn học xuất hiện trong giai đoạn chữ quốc ngữ bắt đầu trở thành một thứ văn tự được sử dụng làm chất liệu sáng tác văn học cùng với chữ Hán và chữ Nôm (cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX). Những thể loại như truyện ngắn, du kí, phóng tác, thơ trong buổi đầu quốc ngữ đã được khảo sát, phân tích, chỉ ra những dấu vết đặc thù của những hiện tượng văn học buổi giao thời. Tản văn trong giai đoạn đầu thế kỉ cũng đã bước đầu được đề cập tới trong một số công trình, tuy nhiên phần lớn mới chỉ dừng lại ở sự giới thiệu tác giả, tác phẩm. Vũ Ngọc Phan viết về các cây bút tản văn giai đoạn này như Tân Đà, Nguyễn Tuấn, Phùng Tấn Đắc (thực ra Vũ Ngọc Phan gọi họ là các nhà viết bút kí) [8]. Nguyễn Văn Xuân viết về Phùng Tấn Đắc [11], một số công trình của Trần Đình Hượu [3], Tâm Dương [1], Phạm Xuân Thạch [10], Lê Trà My [6]... đã phân tích các phương diện tản văn Tân Đà, cây bút tiên phong trong sáng tác tản văn. Ngoài ra, cũng có thể quan tâm một số bài viết về mảng tùy bút Nguyễn Tuấn, văn xuôi Chế Lan Viên, Xuân Diệu, tuy nhiên trong phạm vi bài viết này, các tác giả sáng tác từ những năm ba mươi, bốn mươi không được đưa vào diện khảo sát chính thức. Có thể thấy, chưa có công trình nào nghiên cứu đời sống thể loại tản văn, sự hình thành và những bước vận động của nó trong buổi đầu văn xuôi quốc ngữ. Bài viết này đặt vấn đề nghiên cứu thể loại tản văn trong giai đoạn đầu văn xuôi quốc ngữ, cũng là buổi đầu hình thành thể loại, một mặt cho thấy những bước đi chậm chững ban đầu của tản văn, mặt khác cho thấy những đóng góp của tản văn trong việc cổ xúy và nhuận sắc cho văn học quốc ngữ ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Ngày nhận bài: 5/11/2015 Ngày nhận đăng: 25/2/2016

Liên hệ: Lê Trà My, e-mail: tramyle2311@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

Mặc dù nền khoa cử theo lối Hán học chấm dứt bằng khoa thi cuối cùng vào năm 1919, song địa vị của chữ Hán đã mất từ lâu, thay dần vào đó là sự hô hào dùng chữ quốc ngữ của các trí thức Tây học và của chính những người đã từng theo Nho học. Trần Quý Cáp coi "Chữ quốc ngữ là hồn trong nước", Nguyễn Phan Lãng cổ động "Trước hết phải học ngay quốc ngữ/ Khỏi đời đường tiếng chữ khác nhau". Chữ quốc ngữ vượt qua cánh cửa nhà thờ Thiên chúa và sớm được phổ biến ở Nam bộ vào những thập niên cuối thế kỉ XIX. Mấy mươi năm sau, ở cả Bắc, Trung, Nam bộ, chữ quốc ngữ đã trở thành văn tự chủ yếu của một nền văn chương học thuật mới. Ở Bắc Kỳ, người có vai trò tích cực trong việc cổ xúy cho chữ quốc ngữ, cũng là người được coi là đã có công "đặt những viên đá đầu tiên cho nền văn học mới" [7] là Nguyễn Văn Vĩnh. Ngoài việc vận động cho ra đời *Đàng cô tùng báo* (tờ báo đầu tiên ở Bắc Kỳ có in chữ quốc ngữ), lập nhà in, chủ trương *Đồng Dương tạp chí* với một trong hai tôn chỉ là cổ động cho chữ quốc ngữ, diễn thuyết công khai và rầm rộ cho việc dịch sách báo nước ngoài ra quốc ngữ... Nguyễn Văn Vĩnh đã tích cực sáng tác, dịch thuật góp phần thúc đẩy phong trào học chữ quốc ngữ và gây dựng cho một nền văn chương viết bằng chữ quốc ngữ ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. Có thể nói, chữ quốc ngữ đã trở thành "phương tiện hiệu quả nhất cho công cuộc hiện đại hóa văn chương - học thuật dân tộc" [4], gây những biến đổi lớn cho đời sống thể loại đặc biệt là khuyến khích văn xuôi phát triển. Ở Nam Bộ, từ những thập niên cuối thế kỉ XIX "một nền văn xuôi quốc ngữ đã được hình thành với công khởi động và thúc đẩy của một lớp người viết gồm Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Ký, Nguyễn Trọng Quản, Trần Chánh Chiếu, Trương Duy Toàn, Lê Hoàng Minh..." [5]. Ở Bắc và Trung Bộ, các học giả Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Tân Đà, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học... cũng đã thực sự đồ dàu cho một nền văn xuôi mới - văn xuôi viết bằng chữ quốc ngữ.

Ban đầu, những sáng tác văn xuôi ra đời với ý định rất khiêm tốn. Nguyễn Trọng Quản viết *Truyện thầy Lazarô* phiên mục đích "cho quen mặt chữ", "giải buồn một giây" và chủ trương "lấy tiếng thường mọi người hằng nói mà làm ra". Nhờ những cố gắng không mệt mỏi của những người đi tiên phong, đến những năm đầu thế kỉ XX, chữ quốc ngữ dần trở thành thứ văn tự chủ yếu trong sáng tác văn học. Vào buổi đầu của văn chương quốc ngữ, "buổi quốc văn phôi thai", Phạm Quỳnh hết sức trân trọng và cổ vũ những người làm văn quốc ngữ: "... giữa lúc này người nào đã lưu tâm đến văn quốc ngữ đều là có công trong việc xây dựng cái nền quốc văn cho nước nhà mai sau..." [9].

Sở dĩ văn xuôi được khuyến khích như vậy là vì trong điều kiện xã hội có nhiều đổi thay, người ta đã ý thức được rằng: "... nước ta cần phải có một lối văn xuôi bằng chữ quốc ngữ, giản dị bình thường nói làm sao viết làm vậy, có thể dùng mà diễn được các tư tưởng mới. Ai cũng biết văn vần tuy có vần có điệu, dễ đọc dễ nghe, nhưng chỉ dùng để tả những cảm giác mơ màng không đem ra diễn được những tư tưởng có triết lí cùng những sự nghĩ luận thiết thực. Mà đời nay lại là đời trọng cái triết lí, trọng sự thiết thực hơn cả. Mơ quuyến sách đọc, ai cũng mong được biết một cái ý kiến mới, nghe một nhời bàn hay, chứ mơ quuyến sách đọc mà chỉ chủ ngâm nga câu văn cho êm tai vui miệng, thời cái cách đọc sách ấy thực là không hợp với cái thời đại học thuật tiến hoá, tư tưởng cạnh tranh này. Cho nên lối văn ngày nay phải là lối văn xuôi mới được, cốt lấy bình dị, lấy thông đạt được hết cái tư tưởng là hay. Còn những lối điệu trùng tiểu kĩ, cùng là những cách văn điệu ngược xuôi, thời để cho mấy nhà thợ thơ, thợ văn ngồi mà chải chuốt, dẽo gọt, tác tùm khen riêng với nhau" [9]. Trong *Việt Nam văn học sử yếu*, Dương Quảng Hàm cũng đã nói đến tính cách nền quốc văn mới và cho đây là giai đoạn văn xuôi chiếm vị trí quan trọng. Trong xã hội phong kiến, đời sống văn học hàng mấy trăm năm yên ả, văn xuôi vẫn nép mình trong cái bóng trùm phủ của thơ ca phú lục; những thể thức của văn xuôi như tiểu thuyết, tùy bút, kí... không được coi trọng.

Bước vào thời đại mới, địa vị của văn xuôi đã đảo ngược, được nhấn mạnh hơn tất cả các loại văn khác bởi thời đại mới đã nhìn ra cái công dụng của nó. Nhiều thể loại văn xuôi đã xuất hiện trong đó có tản văn. So với những tác phẩm văn xuôi tự sự đầu tiên (*Truyện thầy Lazaro Phên* - Nguyễn Trọng Quản/1887, *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi* - Trương Vĩnh Ký/1881...) tản văn có thể đến muộn hơn nhưng là một thể loại văn xuôi có sự giao thoa trữ tình, tự sự, nghị luận viết bằng quốc ngữ vào loại sớm nhất. Trong buổi ban đầu, những bài văn xuôi nhỏ ghi lại những cảm xúc, những ý tưởng cá nhân, hoặc bàn luận về các vấn đề xã hội được đăng trên các báo có ý nghĩa vừa như một sự thể nghiệm lại vừa như là những bài "tập dượt" để dần hình thành một lối văn mới. Điều này khích lệ các cây bút, đồng thời là một điều kiện thuận mẫn cho tản văn. Chắp chững với một số thể loại văn xuôi khác, tản văn hiện đại viết bằng chữ quốc ngữ xuất hiện bằng sự thử bút của nhiều nhà văn trong đó Tản Đà có thể coi là người tiên phong.

Gắn liền với công cuộc hô hào quốc ngữ là sự ra đời của báo chí viết bằng tiếng Việt. Chữ quốc ngữ trở thành một công cụ của báo chí và ngược lại báo chí đóng vai trò quan trọng trong sự truyền bá quốc ngữ cũng như truyền bá học thuật và văn nghệ. Báo chí vốn là một sản phẩm của Tây phương, cùng với máy in du nhập vào Việt Nam, báo chí đã đem đến một phương thức mới trong sáng tạo và thưởng thức văn nghệ. Báo chí lúc này có vai trò như một "cơ quan luyện tập văn mới đầu tiên", người viết báo như là những ông thầy dẫn dắt độc giả vào văn mới; báo là nơi tập hợp, tuyển lựa những người cầm bút, là chỗ luyện văn và là nơi công bố những tác phẩm mới [7]. Phạm Thế Ngũ đã nói đúng vai trò bà đỡ của báo chí cho sáng tác văn học đầu thế kỉ XX "Văn học mới là trước 1925 chỉ mới có ở báo chí" [7]. Những tác phẩm tản văn đầu tiên của Tản Đà và nhiều cây bút khác đều đăng trên *Đông Dương tạp chí*, *Nam Phong tạp chí*... Đây là hai tạp chí chu chột, có công lớn trong công cuộc gây dựng quốc văn ở Bắc Kỳ. Trên các tờ này có các mục dành riêng cho các sáng tác thơ văn. Ví dụ mục *Văn uyển* của *Nam Phong* đăng nhiều tác phẩm trong đó phần văn xuôi chủ yếu đăng các bài văn xuôi ngắn, nhiều bài có tính chất tản văn. Trong giai đoạn thử nghiệm ban đầu của những sáng tác văn xuôi tiếng Việt ở miền Bắc, khi những tác phẩm dài hơi còn chưa kịp ra đời, những thể loại sau này chiếm lĩnh văn đàn như truyện ngắn, tiểu thuyết còn chưa thực sự thành hình như là những thể văn xuôi hiện đại, thì tản văn lại là sự lựa chọn của nhiều cây bút muốn bút phá, muốn đi tìm một hình hài cho văn chương quốc ngữ. Những bài văn nhỏ, chuyện tản cảm xúc, tư tưởng của người cầm bút bằng chính lời ăn tiếng nói hàng ngày của người Việt ra đời như một nhu cầu nội sinh; đây cũng có thể coi là những bước đi ban đầu của thời kì văn xuôi sáng tác bằng quốc ngữ còn hết sức rụt rè ở miền Bắc. Trong bối cảnh đó, chính báo chí là nơi đăng đàn, là cánh cửa mở ra với công chúng, là phương tiện truyền bá, là môi trường duy dưỡng cho các sáng tác tản văn.

Từ những năm ba mươi, báo chí phát triển rầm rộ càng tạo điều kiện cho văn học phát triển. Riêng đối với tản văn, báo chí có một quan hệ mật thiết. Tản văn nhỏ gọn nên dễ đăng, dễ đến với công chúng bằng con đường báo chí. Tính chất tự do, dễ thích ứng của thể loại tỏ ra phù hợp với những yêu cầu của độc giả báo. Có từ mở những mục riêng thường kì giành cho tản văn (ví dụ mục *Trước đèn* của báo *Đông Tây*). Cho đến ngày nay, báo chí vẫn là phương tiện phổ biến hữu hiệu cho các sáng tác tản văn.

Tản văn là một thể loại cộng sinh cùng nhiều thể loại khác trong môi trường sinh thái văn hóa những thập kỉ đầu thế kỉ XX. Tản văn ra đời đồng thời với việc tuyên truyền, cổ vũ chữ quốc ngữ, nó được viết ra ban đầu cũng với mục đích xác lập nền văn xuôi tiếng Việt hiện đại. Trong buổi quốc văn phối thai, những người viết tản văn nói riêng và viết văn xuôi nói chung giống như "bọn thợ xây cái nhà" mà Phạm Quỳnh đã nói, mỗi người một việc tạo hình hài cho nền quốc văn mới. Trong buổi giao thời này, khi các thể loại mới của văn xuôi hiện đại còn chưa được định hình rõ, thì tản văn, loại văn xuôi mà Hà Minh Đức gọi là những truyện bút kí "mang nặng tình phiếm

luận, ngẫu hứng của cá nhân" [2] là một lựa chọn, một sự pha trộn giữa tư duy thể loại truyền thống và những đòi hỏi cá nhân hướng tới những cách tân phù hợp lối nghĩ và lối sống đã đổi khác của một bộ phận văn sĩ. Hai thập kỉ đầu thế kỉ XX, khi các thể loại khác chưa có được những thành tựu, thì tản văn, với những sáng tác của Tản Đà, đã thực sự thu hút được sự chú ý của công chúng. Nhiều người đã học thuộc những bài tản văn Tản Đà đăng trên Nam Phong. Có người còn học theo cách viết này của ông. Tản văn Tản Đà là sự cách tân thể loại luận thuyết, hay nói khác đi, mượn hơi hướng một thể loại cũ để phóng chiếu cái tôi tự do trong một xã hội biến động. Cùng với sáng tác của Tản Đà, sáng tác tản văn bằng chữ quốc ngữ của nhiều cây bút mà đa phần xuất thân Hán học cũn chứa đựng những bóng dáng của các thể loại văn học trung đại như tạp kí (*Tự thuật cảnh Hương Giang* - Dạm Phương; *Tự tình với sông Hương* - Nguyễn Bá Trắc; *Đêm tháng sáu chơi hồ Hoàn Gươm* - Hồi Nhân; *Bài kí núi Cổ Tích* - Dương Mạnh Huy; *Kí đi chơi Bàn Thành và đến Hiền Trung* - Trần Quang Hoàng...), tạp cảm (*Lòng cảm hoài của một người học trò Nam Việt* - Trần Văn Thi; *Đêm thất tịch, Bón ba nhớ cảnh quê nhà* - Hồi Nhân; *Từ tưởng một nhà gò đầu trẻ* - Nguyễn Thế Đạt...). Yếu tố Hán văn còn đậm nét, song đã thấy những màu sắc mới trong cảm thức sáng tạo. Đây là một đặc điểm của tản văn giai đoạn đầu, nó cũng phản ánh quy luật đặc thù của văn học giao thời. Các nhà cựu học lúc này lưng vốn là những kinh nghiệm văn chương cũ, bước đầu ghé mắt nhìn ra thế giới qua nhãn quan của người Trung Quốc, Nhật Bản, tiếp xúc với tư tưởng phương Tây. Do vậy, sự pha trộn nói trên là một tất yếu. Trong những sáng tác sơ khởi, người viết tản văn còn sử dụng những điển tích điển cố, câu văn vẫn giữ tính chất biến ngẫu, cần đối, nhịp nhàng. Bài *Giải sầu của Tản Đà* chưa đầy hai trang in mà có tới 17 điển tích, điển cố trích trong sử sách nước Tàu. Có thể dẫn khá nhiều ví dụ về những câu văn xuôi có dáng dấp đăng đối, vần điệu giữa các vế: "Này ai ơi! Thử trèo bức tường đồ, trông quãng đồng xa, mờ cơn má nhón, chỗ nằm chí ba, chẳng quan thời dân, chẳng trẻ thời già, trước cũng người cá, bây giờ đã ma! Nào tiền nào của, nào cửa nào nhà, nào con nào vợ, nào lợn nào gà, nào câu đối dóc, nào mảnh - mảnh hoa, nào đầu đầu cá? Mà chỉ thấy sương mù nặng dài với mưa sa! Cuộc nhân thế từ xưa mãi thế, làng chơi ta phải biết, trăm năm khôn dại để ru mà? (!)" (*Đánh bạc* - Tản Đà), "Sênh sang mũ áo vua ban, bệ vệ vòng đai làng đón, trăm người dăng vào, nghìn mắt trông một; các cụ già lấy mình làm gương, răn con cháu cổ công đăng hoá, những vợ non vin mình làm mẫu, khuyên cậu đồ kinh sử dùi mài..." (*Văn chỉ làng tôi* - Vũ Ngọc Liên)

Lối xen kẽ một vài câu thơ vào những câu văn xuôi - kiểu hành văn trong văn chương cổ - cũng vẫn thấp thoáng trong tản văn thời kì này (*Văn chỉ làng tôi* - Vũ Ngọc Liên; *Văn minh* - Tản Đà; *Xuân càn* - Tản Đà...). Lối miêu tả có tính tượng trưng, ước lệ, khuôn sáo vẫn còn tương đối phổ biến: "Đà giang hiệp lại trước mặt; ngọn núi chân mây một sắc, làn xanh sóng đỏ đôi màu; trời dựng đất gầy, sao bày cớ rầy, ngang ngang dọc dọc, mây lớp bao la, thu lại núi này, như vẽ ra cơ đồ Tổ quốc" (*Bài kí núi Cổ tích* - Dương Mạnh Huy). Nhiều nhà văn trong buổi đầu này vẫn theo lối văn chương đạo lí, sáng tác để răn dạy, giáo huấn, khuyên nhủ. ở một vài tác phẩm còn vương vất hơi hướng của loại văn tổ chí, tự thuật, trần tình...

Mặc dù vậy, trong những sáng tác sơ khởi này, đã thấy một con mắt nhìn mới, một quan niệm mới, một tâm thế sáng tạo khác trước. Cái tôi cá nhân người viết ở vào địa vị trung tâm, chi phối các yếu tố khác trong tác phẩm. Đó là cái tôi cụ thể với những cảm xúc riêng tư, những suy ngẫm độc lập thoát khỏi những kiểm tỏa của nghĩa vụ, cương thường. Đó là cái tôi cất lên tiếng nói riêng giữa cuộc đời. Nhãn quan sáng tạo được soi chiếu bởi cái tôi ấy nên cuộc đời hiện lên trong tác phẩm có thể, sinh động, độc đáo, không lặp lại. Mục đích sáng tác cũng có những đổi thay dẫn đến những quan niệm mới về văn chương và nghề viết. Tác phẩm được viết ra để công bố cho đồng bào bạn đọc, không phải để tặng biếu hay thù tạc bạn bè. Nó trở thành một loại hàng hóa cho dù có lúc nó "ré như bèo" (Tản Đà), một loại hàng hóa rải trên các mặt báo, góp vui cho công chúng.

Hầu như các sáng tác tản văn ở buổi đầu này đều công bố trên báo chí. Phù hợp với cuộc sống hiện thực đương thời, phù hợp với những quan tâm của độc giả, tản văn hướng tới những chủ đề thường nhật, những xúc cảm cá nhân, những sự thật đời thường xảy ra trước mắt. Vẫn thấy những đề tài truyền thống như dâng cao, tổng biệt... song tản văn quốc ngữ đã mở rộng phạm vi phản ánh đến những cái trước đây bị coi là tầm thường, thô tục: vay nợ, mỗ lợn, đánh bạc, say rượu... Đây là cảnh một đêm hè ở Hồ Gươm: "Xa xa vắng vắng tiếng chó cắn bốn bề, tiếng gà gáy nửa đêm; thỉnh thoảng lại giật mình vì tiếng kêu ông "cầm": câu xe bị quýt, cô đi mắc lừa, du côn say rượu, thầy quyen gió trăng, đánh "oái" lên, rồi lại thấy thôi ngay! Rồi tiếng đàn bầu, đàn nguyệt dang sau lưng, tiếng reo hát cười cợt xen tiếng lóc nhóc chuyển động của những chiếc xe cao su mà các ông lính tây ở các "ô-ten" đi về trong trai. Lối vắng tuc của kẻ ha đẳng đi khuya, tiếng chửi nhau của phường kiếm ăn đêm tối, tiếng lũ phu thùng, tiếng xe chó uế! (*Đêm tháng sáu chơi hồ Hoàn Kiếm* - Hội Nhân). Những tư tưởng dân chủ cũng đã khiến các nhà văn tách mình ra khỏi khối cộng đồng làng xã dân nước, đặt vấn đề về sự tồn tại của cái ta bản thân: "Ta sinh ra đây làm gì? (...) Cái thân thốt nhiên mà có này, sao lại tự nhận là "ta"? Sao lại nhận lấy một tên riêng? Sao lại đem rằng bước nó bằng dây tình dây ái? (*Lòng mộ đạo* - Vũ Ngọc Liễn).

Theo một hướng khác, một số trí thức Tây học lúc này với sự nhiệt thành nhiệt tâm vun đắp cho nền văn học quốc ngữ cũng đã cho ra đời những bài văn nhỏ, viết một cách phóng khoáng về các vấn đề xã hội - con người. Văn chương của họ có lối diễn đạt chặt chẽ, logic, câu văn mạch lạc, gọn gàng, lối bàn luận thiên về lí trí, suy xét vấn đề khoa học, có hơi hướng của những tiểu luận xã hội phương Tây từng rất thịnh hành từ thế kỉ XVII-XVIII. Đáng chú ý nhất là các bài viết của Nguyễn Văn Vĩnh đăng chủ yếu trên Đông Dương tạp chí. Song ở giai đoạn đầu của tản văn, những sáng tác này có tỉ lệ không nhiều so với những sáng tác của các nhà văn cựu học.

Cuối thập kỉ thứ hai đầu thập kỉ thứ ba trở đi, trưởng thành cùng với các thể loại văn học hiện đại viết bằng chữ quốc ngữ khác, tản văn đã góp phần hiện đại hoá câu văn tiếng Việt, diễn đạt được những ý tưởng sâu sắc, những biến thái tế vi của tình cảm con người, tái hiện được những sự thực ở đời một cách cụ thể, mạch lạc, câu văn bớt dài dòng, rối rắm, với nhiều từ đệm hoặc khẩu ngữ, hình thức câu gọn ghẽ, sáng rõ hơn. Những dấu vết của thi pháp trung đại ngày càng nhạt dần và mất hẳn. Người viết tản văn hầu như không còn giữ lối miêu tả ước lệ, câu văn đăng đối nhịp nhàng... Nhà văn có thể làm hiện hình sự vật một cách cụ thể, sống động nhờ lối miêu tả tỉ mỉ, kỹ lưỡng, xác thực: "Đêm đầu của tôi ở phố, tôi ra ngắm bóng trăng thành rọi xuống mặt sông Hội An. Trên mặt sông, thật là một cái rừng cột thuyền buồm, mảnh ghe chỉ chít dây lều, buồm, dây thừng. Bấy nhiêu nét đen sắc đều nhấp nhô lay động theo mực nước thủy triều đang dâng lên rất mạnh. ánh trắng bị dầm tan trong lòng con sông mà nước ngọt đang bị bể ngoài pha rót vào bao nhiêu là muối chất mặn" (*Cửa Đại* - Nguyễn Tuấn). Riêng về nhịp điệu câu văn, mặc dù lối văn đăng đối nhịp nhàng rêu rất đã được thay thế bằng cách hành văn có ảnh hưởng nhiều của cú pháp tiếng Pháp, tản văn vẫn giữ được nhạc tính cho câu văn, có điều nhạc tính ấy không phải từ những vẻ câu đăng đối mà xuất phát từ âm điệu của tâm hồn. Nhiều tác phẩm của Chế Lan Viên, Xuân Diệu... rất tiêu biểu cho loại tản văn trữ tình giàu nhạc tính. Tính nhạc trong câu văn là một yếu tố làm cho thể loại này trở thành một loại mỹ văn. Sau buổi đầu chấp chững, tản văn những năm ba mươi bốn mươi trở thành một trong những thể loại định hình được những nét hiện đại, biểu hiện một cách phong phú và giàu sắc thái những biến động tâm hồn, những cảm giác tinh tế, những ý tưởng trừu tượng...

3. Kết luận

Như vậy, trong buổi đầu văn chương quốc ngữ, văn vần ra đời như một sự cố xúy văn xuôi, nó có vai trò góp phần xác lập nền quốc văn mới. Đáng chú ý là ngay từ khi ra đời (khoảng trên dưới mười năm đầu thế kỉ XX) nó đã có được thành tựu. Một trăm năm trước, những tác phẩm văn vần buổi đầu đã định hình một lối văn mới, mở ra những thăng trầm lịch sử cho một thể loại văn xuôi hiện đại mà cho đến nay nó đang thực sự ở vào giai đoạn phát triển rầm rộ chưa từng thấy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tầm Dương, 1964. *Tân Đà khối mẫu thuẫn lớn*. Nxb Khoa học, Hà Nội
- [2] Hà Minh Đức, 1962. *Khảo luận văn chương*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3] Trần Đình Hượu, 1989. *Quan niệm văn học của Tân Đà*. Tạp chí Văn học, số 3.
- [4] Phong Lê, 2004. *Chữ quốc ngữ trong chuyển động của văn học Việt Nam từ trung đại sang hiện đại*. Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 11
- [5] Phong Lê, 2001. *Phác thảo buổi đầu văn xuôi quốc ngữ*. Tạp chí Văn học, số 1.
- [6] Lê Trà My, 2006. *Tân Đà - người đi đầu trong sáng tác tân văn hiện đại*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 6.
- [7] Phạm Thế Ngũ, 1965. *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên - văn học hiện đại 1862-1945*, Tập III. Quốc học tùng thư xuất bản
- [8] Vũ Ngọc Phan, 1998 *Nhà văn hiện đại*. Nxb Văn học, Hà Nội
- [9] Phạm Quỳnh, 1942. "Lời giới thiệu", *Tân Đà tân văn*. Nxb Hương Sơn
- [10] Phạm Xuân Thạch, 2004. *Quá trình cách tân và những giới hạn trong sự nghiệp sáng tác văn xuôi của Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu*. Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 9.
- [11] Nguyễn Văn Xuân, 1973. *Lãng Nhân, nhà văn phiếm luận*, trong sách *Lãng nhân - Thân thế và tác phẩm*. Nam Hà Nhà tập xuất bản, Sài Gòn.

ABSTRACT

The essay at the beginning of Vietnamese alphabet prose

The genre essay was formed in the second decade of the 20th century with the works of Tan Da, Nguyen Van Vinh, Nguyen Ba Trac, Dam Phuong and others. This was a new genre of prose written in the Vietnamese alphabet; initially they were usually published in a journal. In the genre system of Vietnamese literature of the early 20th century, the essay which is an early prose form which appeared as a result of need and change.

Keywords: Genre essay, Vietnamese alphabet, prose.